

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về chế độ thông tin, báo cáo trong hệ thống
Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Trà Vinh, nhiệm kỳ 2022 - 2027

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ĐOÀN TRÀ VINH

Căn cứ Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
tỉnh Trà Vinh, khóa XI, nhiệm kỳ 2022 - 2027;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức - Kiểm tra Tỉnh đoàn,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chế độ thông tin, báo
cáo trong hệ thống Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Trà Vinh, nhiệm kỳ 2022 - 2027.

Điều 2. Giao Ban Tổ chức - Kiểm tra theo dõi việc thực hiện quy chế này.
Định kỳ hàng tháng tổng hợp việc thực hiện chế độ báo cáo của các Ban, Trung
tâm thuộc Tỉnh đoàn, Ban Thường vụ các Huyện, Thị, Thành đoàn và Đoàn trực
thuộc báo cáo Thường trực Tỉnh đoàn.

Điều 3. Ban Tổ chức - Kiểm tra, các Ban, Trung tâm thuộc Tỉnh đoàn,
Ban Thường vụ các Huyện, Thị, Thành đoàn và Đoàn trực thuộc căn cứ Quyết
định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy định số 02-QĐĐ
ngày 06/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Quy định về chế độ thông tin,
báo cáo trong hệ thống Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Trà Vinh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh đoàn;
- Lưu VT, TCKT.

TM. BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ĐOÀN
BÍ THƯ



Trần Trí Cường



Trà Vinh, ngày 07 tháng 02 năm 2023

QUY ĐỊNH

Về chế độ thông tin, báo cáo trong hệ thống
Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Trà Vinh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 58-QĐ/TDTN-TCKT
ngày 07/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho các ban, trung tâm, các huyện, thị, thành đoàn và đoàn trực thuộc.

Điều 2. Thể loại và yêu cầu chế độ thông tin, báo cáo

1. Thể loại

- **Báo cáo định kỳ**, gồm: Báo cáo tuần, báo cáo tháng, báo cáo quý I, báo cáo 6 tháng, báo cáo 9 tháng, báo cáo năm. Trong đó báo cáo tháng 3 được lồng ghép vào báo cáo quý I, báo cáo tháng 6 được lồng ghép vào báo cáo 6 tháng, báo cáo tháng 9 được lồng ghép vào báo cáo 9 tháng và báo cáo tháng 12 được lồng ghép vào báo cáo năm.

- **Báo cáo chuyên đề**: Báo cáo kết quả các hoạt động lớn, kết quả thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước, của đoàn cấp trên; kết quả các chuyên đề nghiên cứu, các đợt khảo sát thực tế cơ sở, các mô hình hiệu quả; Báo cáo theo đề nghị, yêu cầu phối hợp của các cơ quan cấp trên, cơ quan quản lý nhà nước, các sở, ban, ngành liên quan đối với việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước đối với thanh niên và công tác thanh niên... Nội dung báo cáo cần nêu rõ: Biện pháp chỉ đạo, nội dung, phương pháp thực hiện, kết quả, nhận định, kiến nghị giải pháp...

- **Báo cáo đột xuất**: Phản ánh những vấn đề đột xuất xảy ra ở địa phương; đơn vị (về tình hình thanh thiếu nhi, an ninh, trật tự an toàn xã hội, thiên tai, dịch bệnh, gương tập thể, cá nhân thanh thiếu nhi có thành tích xuất sắc...). Báo cáo cần nêu rõ những diễn biến của sự việc, quá trình tham gia của Đoàn; nêu nhận xét sơ bộ về nguyên nhân, kết quả (hoặc hậu quả); ý kiến đề xuất với đoàn cấp trên.

2. Yêu cầu:

- Đảm bảo tính toàn diện, khách quan, cụ thể, chính xác, kịp thời.
- Trong quá trình công tác, khi thấy cần thiết, đoàn cấp trên thông tin tới đoàn cấp dưới về các chủ trương, yêu cầu hoặc đoàn cấp dưới thông tin, đề xuất, kiến nghị với đoàn cấp trên về công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi.

- Đối với kiến nghị, đề xuất của đoàn cấp dưới, chậm nhất 10 ngày kể từ khi nhận được văn bản hoặc nhận được thông tin, đoàn cấp trên phải thông tin, phân hồi phương án giải quyết cho đoàn cấp dưới biết.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN BÁO CÁO

Điều 3. Báo cáo tuần

1. Đối tượng thực hiện: Các ban, trung tâm; các huyện, thị, thành đoàn và đoàn trực thuộc Tỉnh đoàn.

2. Nội dung: Phản ánh tình hình thanh thiếu nhi trên địa bàn, theo khối, đối tượng, lĩnh vực phụ trách; kết quả những hoạt động chính của địa phương, đơn vị trong tuần có số liệu minh chứng cụ thể; nhiệm vụ, hoạt động trọng tâm tuần tiếp theo, các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

3. Thời gian báo cáo:

Mốc thời gian báo cáo tuần tính từ ngày thứ Sáu tuần trước đến hết ngày thứ Năm tuần làm báo cáo và *gửi về Ban Tổ chức - Kiểm tra Tỉnh đoàn trước 09 giờ ngày thứ Sáu hàng tuần*. Tỉnh đoàn phát hành báo cáo chậm nhất ngày thứ Hai của tuần sau.

Điều 4. Báo cáo tháng (Gồm các tháng 01, 02, 4, 5, 7, 8, 10, 11).

1. Đối tượng thực hiện: Trung tâm SHITN tỉnh, các huyện, thị, thành đoàn và đoàn trực thuộc Tỉnh đoàn.

2. Nội dung: Phản ánh tình hình thanh thiếu nhi trên địa bàn, theo khối, đối tượng, lĩnh vực phụ trách; kết quả những hoạt động chính của địa phương, đơn vị trong tháng theo trọng tâm chỉ đạo, theo kế hoạch công tác năm hoặc theo các mặt công tác; trong đó chú trọng những mô hình mới, cách làm hay kèm theo các số liệu và địa chỉ cụ thể để chứng minh cho vấn đề được nêu ra; nhiệm vụ trọng tâm tháng tiếp theo; các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

3. Thời gian báo cáo

Mốc thời gian báo cáo tháng tính từ ngày 11 của tháng trước đến hết ngày 10 của tháng làm báo cáo và *gửi về Ban Tổ chức - Kiểm tra Tỉnh đoàn trước ngày 12 hàng tháng*. Tỉnh đoàn phát hành báo cáo trước ngày 14 của tháng tiếp theo.

Điều 5. Báo cáo quý I, báo cáo 6 tháng, báo cáo 9 tháng và báo cáo tổng kết năm.

1. Đối tượng thực hiện: Các huyện, thị, thành đoàn và đoàn trực thuộc Tỉnh đoàn.

2. Nội dung:

- *Nội dung trong báo cáo:* Đánh giá tổng quát, toàn diện về tình hình thanh thiếu nhi trên địa bàn, theo khối, đối tượng, lĩnh vực phụ trách; kết quả công tác chuyên môn (công tác tuyên truyền, giáo dục; việc triển khai các phong trào hành động cách mạng của Đoàn, các chương trình đồng hành với thanh niên; công tác xây dựng Đoàn, mở rộng mặt trận đoàn kết tập hợp thanh niên; công tác phụ trách Đội

TNTP Hồ Chí Minh; công tác quốc tế thanh niên (nếu có) và các hoạt động khác); việc thực hiện các chủ trương công tác lớn của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Tỉnh đoàn; kết quả thực hiện chỉ tiêu công tác năm. Nêu rõ những điểm hạn chế; nguyên nhân kết quả đạt được, nguyên nhân hạn chế; đề ra nhiệm vụ, giải pháp thời gian tiếp theo; các kiến nghị, đề xuất (nếu có).

Đính kèm Đề cương chi tiết báo cáo Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm.

- Phụ lục số liệu kèm theo:

- + Phụ lục số liệu công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi (đính kèm);
- + Bảng so sánh các chỉ tiêu trong năm do Tỉnh đoàn giao.

3. Thời gian:

- Báo cáo quý I: Thời gian báo cáo tính từ ngày 01/11 năm trước đến hết ngày 10/3 năm làm báo cáo và gửi về Ban Tổ chức - Kiểm tra Tỉnh đoàn *trước ngày 12/3*. Tỉnh đoàn phát hành báo cáo trước ngày 14/3.

- Báo cáo 6 tháng: Thời gian báo cáo tính từ ngày 01/11 năm trước đến hết ngày 10/5 năm làm báo cáo và gửi về Ban Tổ chức - Kiểm tra Tỉnh đoàn *trước ngày 20/5*. Tỉnh đoàn phát hành báo cáo trước ngày 30/5.

- Báo cáo 9 tháng: Thời gian báo cáo tính từ ngày 01/11 năm trước đến hết ngày 10/9 năm làm báo cáo và gửi về Ban Tổ chức - Kiểm tra Tỉnh đoàn *trước ngày 12/9*. Tỉnh đoàn phát hành báo cáo trước ngày 14/9.

- Báo cáo năm: Thời gian báo cáo tính từ ngày 01/11 năm trước đến hết ngày 15/10 năm làm báo cáo và gửi về Ban Tổ chức - Kiểm tra Tỉnh đoàn *trước ngày 20/10*. Tỉnh đoàn phát hành báo cáo trước ngày 30/10.

Điều 6. Báo cáo chuyên đề

Báo cáo kết quả đợt (chiến dịch) hoạt động lớn, các nội dung công tác theo chỉ đạo Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Tỉnh đoàn; báo cáo tình hình thanh thiếu nhi tại địa phương, đơn vị hằng năm; báo cáo tình hình thanh thiếu nhi trước, trong và sau Tết nguyên đán; báo cáo sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết, kết luận... của Đoàn; báo cáo các nghị quyết, chỉ thị chuyên đề, đề án, chương trình công tác trọng tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương giao cho Đoàn thực hiện; của cơ quan, đơn vị; những nội dung chỉ đạo làm thí điểm, xây dựng mô hình,...

Điều 7. Báo cáo đột xuất và các loại báo cáo khác

1. Nội dung:

- Những vấn đề phức tạp, những sự việc đột xuất, phát sinh ở địa phương, đơn vị có liên quan tới thanh thiếu nhi cần kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, Thường trực Tỉnh đoàn. Phản ánh kịp thời tình hình kinh tế - xã hội đặc biệt, các sự kiện phát sinh, đột xuất như thiên tai, dịch bệnh, tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội bất thường tác động đến thực tiễn hoạt động của Đoàn, Hội, Đội các cấp.

- Các quyết định quan trọng liên quan đến nhân sự Bí thư, Phó Bí thư đoàn cấp huyện; việc chia tách, hợp nhất, thành lập mới các đơn vị trực thuộc Đoàn cấp huyện.

- Những nội dung khác theo yêu cầu của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, Thường trực Tỉnh đoàn.

2. Thời gian: Báo cáo đột xuất phải gửi ngay bằng hình thức nhanh nhất (thư điện tử, gửi trực tiếp, điện thoại,...); báo cáo ngày cần được gửi trong ngày.

Điều 8. Về số liệu thống kê

1. Ngay từ đầu năm của năm đầu tiên, nhiệm kỳ Đại hội Đoàn toàn quốc, Ban Bí thư Trung ương Đoàn ban hành Mẫu phụ lục số liệu công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi nhiệm kỳ để thực hiện thống nhất qua các năm. Hằng năm, Đoàn cấp huyện gửi báo cáo nội dung phụ lục này kèm theo báo cáo quý, 6 tháng đầu năm, báo cáo tổng kết năm.

2. Số liệu thống kê và mốc thời gian lấy số liệu thống kê thực hiện theo mốc thời gian quy định đối với từng loại báo cáo được quy định tại Khoản 3 Điều 5 của Quy định này và thực hiện thống nhất từ tỉnh đến cơ sở.

Điều 9. Hình thức báo cáo

1. Báo cáo tuần, tháng, quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo 9 tháng và báo cáo năm gửi về gửi về Ban Tổ chức – Kiểm tra Tỉnh đoàn tổng hợp theo thời gian quy định. Có thể gửi qua hệ thống I-Office hoặc địa chỉ mail btckt.tinhdoan@travinh.gov.vn; các báo cáo gửi ngoài hai địa chỉ trên không được chấp nhận.

2. Báo cáo tuần, báo cáo tháng không cần gửi văn bản giấy. Riêng báo cáo Quý I, 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm phải gửi văn bản giấy. Để đảm bảo thời gian quy định, các đơn vị có thể gửi trước file word qua mail hoặc hệ thống I-Office và sau đó gửi văn bản Scan có chữ ký, đóng dấu về Ban Tổ chức – Kiểm tra Tỉnh đoàn nhưng đảm bảo Ban Tổ chức – Kiểm tra nhận được trong thời gian chậm nhất sau 05 ngày theo quy định và có sự **thống nhất về số liệu** (trường hợp có điều chỉnh về số liệu phải trao đổi trực tiếp với Ban Tổ chức - Kiểm tra).

3. Đối với các loại báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất

- Đối với các loại báo cáo chuyên đề: Thực hiện theo yêu cầu của văn bản yêu cầu báo cáo; theo đề nghị của Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh đoàn và các ban chuyên môn Tỉnh đoàn.

- Đối với báo cáo đột xuất: Báo cáo qua hệ thống I-Office hoặc địa chỉ mail của Thường trực, ban chuyên môn phụ trách lĩnh vực; báo cáo trực tiếp qua điện thoại,...

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm thực hiện

1. Các ban, trung tâm, các huyện, thị, thành đoàn và đoàn trực thuộc nghiêm túc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo chức năng, nhiệm vụ được phân công. Giao Ban Tổ chức – Kiểm tra Tỉnh đoàn theo dõi, đôn đốc việc thực hiện quy định về công tác thông tin, báo cáo này và tham mưu nội dung báo cáo định kỳ của Tỉnh đoàn. Việc thực hiện quy định này là một trong các căn cứ để

đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các đơn vị trong hệ thống tổ chức của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ quy định này, Ban Thường vụ các huyện, thị, thành đoàn và đoàn trực thuộc xây dựng quy định cụ thể thực hiện tại địa phương, đơn vị; hướng dẫn nghiệp vụ về chế độ thông tin, báo cáo cho cán bộ làm công tác văn phòng các cấp, đảm bảo thông tin, báo cáo thông suốt, kịp thời, chính xác và thống nhất.

3. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các ban, trung tâm, các huyện, thị, thành đoàn và đoàn trực thuộc xuyên trao đổi, chia sẻ thông tin phục vụ công tác chung.

4. Việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo là một trong những nội dung đánh giá, khen thưởng cuối năm. Định kỳ hàng tháng, giao Ban Tổ chức - Kiểm tra Tỉnh đoàn theo dõi tổng hợp chế độ thực hiện công tác thông tin, báo cáo (*báo cáo định kỳ, báo cáo theo chuyên đề*) và việc tham gia các hoạt động lớn, hoạt động tập trung do Tỉnh đoàn tổ chức.